

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 31/01/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Thanh Bình và ông Nông Trung Kiên

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Văn Đoàn, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 31 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Th; Sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn T, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn M; Sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn T, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/10/2023 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Đinh Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị Th và anh Phạm Văn M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Yên, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên vào ngày 18/2/2000. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, thường xảy ra cãi nhau, sau đó thì không nói chuyện, không quan tâm, không chia sẻ mọi việc với nhau. Đến năm 2021 thì hai vợ chồng mặc dù ở chung nhà nhưng không cùng sinh hoạt, ăn uống gì cùng nhau nữa. Xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc chị Th cương quyết xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M;

Về con chung: Anh M, chị Th có hai con chung là cháu Phạm Thị Thuỳ Tr sinh năm 2000 đã trưởng thành, lập gia đình riêng và cháu Phạm Như Q sinh ngày 01/8/2007, cháu khỏe M phát triển bình thường, chị Th có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Q. Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu anh M cấp dưỡng

nuôi con chung là 01 triệu/01 tháng kể từ tháng 12/2023. Tuy nhiên tại phiên tòa chị không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để anh M tự thực hiện theo khả năng, khi cần chị sẽ yêu cầu giải quyết sau. Chị Th có thu nhập bình quân khoảng 06 đến 07 triệu đồng một tháng đủ để đảm bảo nuôi dưỡng cháu. Đối với cháu Tr đã thành niên chị có không yêu cầu gì.

Về quan hệ tài sản: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh M, đã triệu tập anh M đến Tòa án để giải quyết vụ việc nhưng anh M vẫn vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa giải quyết vụ việc theo qui định.

Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân của chị Th có xác nhận của chính quyền địa phương trong đơn thể hiện: Hai vợ chồng chị Th và anh M chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm bất đồng. Hai anh chị có hai con chung là cháu Phạm Thị Thuỳ Tr sinh năm 2000 và cháu Phạm Như Q sinh ngày 01/8/2007. Cháu Phạm Như Q có đơn thể hiện nguyện vọng được ở với chị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ngày 31/10/2023 chị Đinh Thị Th nộp đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với anh Phạm Văn M; Địa chỉ: Thôn T, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Chị Th có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo qui định tại khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngày 07/11/2023 chị Th nộp biên lai nộp tạm ứng án phí cho Tòa án. Cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Th theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Đinh Thị Th và anh Phạm Văn M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Chị Th có mặt tại phiên tòa, anh M được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Chị Đinh Thị Th và anh Phạm Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 18/2/2000, các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Th, anh M là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì lâm vào mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm hai vợ chồng không cùng nhau vun vén hạnh phúc, hiện không quan tâm đến nhau. Những nội dung này được thể hiện trong chính lời trình bày của

nguyên đơn và cũng đã được chính quyền nơi cư trú của hai anh chị xác nhận. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc hai vợ chồng không còn hạnh phúc, có mâu thuẫn là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định hai anh chị đều vi phạm nghĩa vụ của người chồng, người vợ, dẫn đến không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng chia sẻ, thực hiện được các công việc trong gia đình với nhau. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Th, giải quyết cho ly hôn giữa chị Th với anh M.

Về con chung: Chị Th và anh M có hai con chung là cháu Phạm Thị Thuỳ Tr sinh năm 2000 và cháu Phạm Như Q sinh ngày 01/8/2007. Cháu Phạm Thị Thuỳ Tr sinh năm 2000 đã trưởng thành, lập gia đình riêng chị Th không có yêu cầu gì nên không đề cập. Chị Th có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Q là phù hợp với nguyện vọng của cháu, phù hợp với quy định của pháp luật. Chị Th cũng có thu nhập đảm bảo nuôi dưỡng cháu. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ các qui định tại điều 58, điều 69, các khoản 1, 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu và nguyện vọng của chị Th, giao cháu Q cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Th không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét.

Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về Án phí: Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Th phải chịu 300.000 đ tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, các khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228, điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Th, cho ly hôn giữa chị Đinh Thị Th và anh Phạm Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Như Q sinh ngày 01/8/2007 cho chị Đinh Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác.

Không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật hôn nhân và Gia đình.

Cháu Phạm Thị Thuỳ Tr sinh năm 2000 đã trưởng thành, lập gia đình riêng chị Th không có yêu cầu gì nên không đề cập.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đinh Thị Th phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên theo biên lai thu tiền số 0000141 ngày 02/11/2023, chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/01/2024); Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND HDB;
- UBND xã Th;
- Chi cục THADS HDB;
- Tòa án tỉnh DB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Ngọc